

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Trung Tâm

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn dim tôm, hành lá. Canh rau mồng tơi nấu cua Chuối tiêu	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Anillac Cháo chim bồ câu, đỗ xanh, bí ngô, hành lá	Cháo chim bồ câu, đỗ xanh, bí ngô, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	197	22,000	4,334,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	59	22,000	1,298,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>256</b>		<b>5,632,000</b>	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	17.70	17,000	300,900	3.50	17,000	59,500	21.2	360,400
2	Dầu ăn	1.00	77,000	77,000	0.30	77,000	23,100	1.30	100100
3	Nước mắm	0.30	76,000	22,800	0.10	76,000	7,600	0.40	30400
4	Hạt nêm	0.30	70,000	21,000	0.10	70,000	7,000	0.40	28000
5	Hành	0.20	35,000	7,000	0.05	35,000	1,750	0.25	8750
6	Mỡ lợn	0.60	85,000	51,000	0.20	85,000	17,000	0.80	68000
7	Tôm	1.40	290,000	406,000	0.40	290,000	116,000	1.80	522,000
8	Thịt lợn	7.70	150,000	1,155,000	2.55	150,000	382,500	10.25	1,537,500
8	Rau mồng tơi	5.05	25,000	126,250	1.55	25,000	38,750	6.60	165,000
9	Cua đồng	1.40	170,000	238,000	0.40	170,000	68,000	1.80	306,000
10	Chuối tây	198.00	1,600	316,800	60.00	1,600	96,000	258.00	412,800
11	Gạo bắc thơm	3.15	17,000	53,550	0.95	17,000	16,150	4.10	69,700
12	Thịt chim bồ câu	1.55	310,000	480,500	0.45	310,000	139,500	2.00	620,000
13	Đỗ xanh	0.40	55,000	22,000	0.12	55,000	6,600	0.52	28,600
14	Bí ngô đỏ	1.00	20,000	20,000	0.30	20,000	6,000	1.30	26,000
15	Hành lá	0.20	40,000	8,000	0.05	40,000	2,000	0.25	10,000
16	Sữa bột Nuvi Grow	3.95	260,000	1,027,000	1.20	260,000	312,000	5.15	1,339,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>4,332,800</b>			<b>1,299,450</b>		<b>5,632,250</b>

IV. PHÂN QUYẾT AN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 5,632,000
- Số tiền đã chi: 5,632,250
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -250

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Phú Lâm

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn dim tôm, hành lá. Canh rau mồng toi nấu cua Chuối tiêu	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Anillac Cháo chim bồ câu, đỗ xanh, bí ngô, hành lá	Cháo chim bồ câu, đỗ xanh, bí ngô, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	89	22,000	1,958,000	
2	CƠM NHÀ TRÉ	29	22,000	638,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>118</b>		<b>2,596,000</b>	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá	Tiền (đ)	SL	Đơn giá	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	8.00	17,000	136,000	1.70	17,000	28,900	9.7	164,900
2	Dầu ăn	0.45	77,000	34,650	0.15	77,000	11,550	0.60	46200
3	Nước mắm	0.10	76,000	7,600	0.05	76,000	3,800	0.15	11400
4	Hạt nêm	0.15	70,000	10,500	0.05	70,000	3,500	0.20	14000
5	Hành	0.08	35,000	2,800	0.02	35,000	700	0.10	3500
6	Mỡ lợn	0.30	85,000	25,500	0.10	85,000	8,500	0.40	34000
7	Tôm	0.60	290,000	174,000	0.20	290,000	58,000	0.80	232,000
8	Thịt lợn	3.57	150,000	535,500	1.18	150,000	177,000	4.75	712,500
8	Rau mồng toi	2.20	25,000	55,000	0.70	25,000	17,500	2.90	72,500
9	Cua đồng	0.60	170,000	102,000	0.20	170,000	34,000	0.80	136,000
10	Chuối tây	90.00	1,600	144,000	30.00	1,600	48,000	120.00	192,000
11	Gạo bắc thơm	1.45	17,000	24,650	0.45	17,000	7,650	1.90	32,300
12	Thịt chim bồ câu	0.70	310,000	217,000	0.25	310,000	77,500	0.95	294,500
13	Đỗ xanh	0.15	55,000	8,250	0.05	55,000	2,750	0.20	11,000
14	Bí ngô đỏ	0.45	20,000	9,000	0.15	20,000	3,000	0.60	12,000
15	Hành lá	0.08	40,000	3,200	0.02	40,000	800	0.10	4,000
16	Sữa bột Nuvi Grow	1.80	260,000	468,000	0.60	260,000	156,000	2.40	624,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1,957,650</b>			<b>639,150</b>		<b>2,596,800</b>

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 2,596,000
- Số tiền đã chi: 2,596,800
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -800

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Hậu Phú

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn dim tôm, hành lá. Canh rau mồng toi nấu cua Chuối tiêu	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Anillac Cháo chim bồ câu, đỗ xanh, bí ngô, hành lá	Cháo chim bồ câu, đỗ xanh, bí ngô, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	40	22,000	880,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ		22,000	0	
	<b>TỔNG</b>	<b>40</b>		<b>880,000</b>	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá	Tiền (đ)	SL	Đơn giá	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	3.60	17,000	61,200				3.6	61,200
2	Dầu ăn	0.20	77,000	15,400				0.20	15400
3	Nước mắm	0.05	76,000	3,800				0.05	3800
4	Hạt nêm	0.05	70,000	3,500				0.05	3500
5	Hành	0.05	35,000	1,750				0.05	1750
6	Mỡ lợn	0.10	85,000	8,500				0.10	8500
7	Tôm	0.30	290,000	87,000				0.30	87,000
8	Thịt lợn	1.45	150,000	217,500				1.45	217,500
8	Rau mồng toi	1.00	25,000	25,000				1.00	25,000
9	Cua đồng	0.30	170,000	51,000				0.30	51,000
10	Chuối tây	41.00	1,600	65,600				41.00	65,600
11	Gạo bắc thơm	0.60	17,000	10,200				0.60	10,200
12	Thịt chim bồ câu	0.35	310,000	108,500				0.35	108,500
13	Đỗ xanh	0.10	55,000	5,500				0.10	5,500
14	Bí ngô đỏ	0.20	20,000	4,000				0.20	4,000
15	Hành lá	0.05	40,000	2,000				0.05	2,000
16	Sữa bột Nuvi Grow	0.80	260,000	208,000				0.80	208,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>878,450</b>					<b>878,450</b>

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 880,000
- Số tiền đã chi: 878,450
- Số tiền còn thừa: 1,550
- Số tiền còn thiếu:

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Nam Quang

Ngày 08 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt lợn dim tôm, hành lá. Canh rau mồng toi nấu cua Chuối tiêu	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Anillac Cháo chim bồ câu, đỗ xanh, bí ngô, hành lá	Cháo chim bồ câu, đỗ xanh, bí ngô, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	154	22,000	3,388,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	35	22,000	770,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>189</b>		<b>4,158,000</b>	

III. PHẦN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá	Tiền (đ)	SL	Đơn giá	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	13.80	17,000	234,600	2.10	17,000	35,700	15.9	270,300
2	Dầu ăn	0.80	77,000	61,600	0.20	77,000	15,400	1.00	77000
3	Nước mắm	0.20	76,000	15,200	0.05	76,000	3,800	0.25	19000
4	Hạt nêm	0.25	70,000	17,500	0.05	70,000	3,500	0.30	21000
5	Hành	0.15	35,000	5,250	0.05	35,000	1,750	0.20	7000
6	Mỡ lợn	0.40	85,000	34,000	0.10	85,000	8,500	0.50	42500
7	Tôm	1.10	290,000	319,000	0.25	290,000	72,500	1.35	391,500
8	Thịt lợn	6.10	150,000	915,000	1.60	150,000	240,000	7.70	1,155,000
8	Rau mồng toi	3.85	25,000	96,250	0.95	25,000	23,750	4.80	120,000
9	Cua đồng	1.10	170,000	187,000	0.25	170,000	42,500	1.35	229,500
10	Chuối tây	155.00	1,600	248,000	36.00	1,600	57,600	191.00	305,600
11	Gạo bắc thơm	2.45	17,000	41,650	0.55	17,000	9,350	3.00	51,000
12	Thịt chim bồ câu	1.20	310,000	372,000	0.20	310,000	62,000	1.40	434,000
13	Đỗ xanh	0.30	55,000	16,500	0.10	55,000	5,500	0.40	22,000
14	Bí ngô đỏ	0.70	20,000	14,000	0.20	20,000	4,000	0.90	18,000
15	Hành lá	0.15	40,000	6,000	0.05	40,000	2,000	0.20	8,000
16	Sữa bột Nuvi Grow	3.10	260,000	806,000	0.70	260,000	182,000	3.80	988,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3,389,550</b>			<b>769,850</b>		<b>4,159,400</b>

IV. PHẦN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 4,158,000
- Số tiền đã chi: 4,159,400
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -1,400